

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 851 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 5**

|                                  |                       |
|----------------------------------|-----------------------|
| CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ |                       |
| ĐẾN                              | Giờ: ...S...          |
|                                  | Ngày: ...13/7/2018... |

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 5 (sau đây gọi là Danh mục phân công).

**Điều 2.**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm:

a) Bảo đảm chất lượng, tiến độ xây dựng các nghị định trình Chính phủ, các quyết định trình Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định này;

b) Ban hành các thông tư quy định chi tiết các nội dung được luật giao, bảo đảm có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của luật, không để tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản;

c) Phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản; thường xuyên đôn đốc, kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu được phân công xây dựng, trình ban hành văn bản; công khai nội dung công việc, tiến độ, tên chuyên viên đơn vị theo dõi và lãnh đạo phụ trách, kết quả cụ thể từng giai đoạn;

d) Trong quá trình nghiên cứu, soạn thảo văn bản, nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan chủ trì soạn thảo phải chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn

phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan giải quyết hoặc kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ hoặc Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách lĩnh vực.

2. Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ cử cán bộ, công chức tham gia soạn thảo, chỉnh lý và theo dõi quá trình xây dựng, trình ban hành các nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đẩy nhanh tiến độ thẩm định, thẩm tra, trình các dự thảo nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết các luật, bảo đảm chất lượng, tiến độ theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trực tiếp phụ trách và chỉ đạo công tác xây dựng pháp luật; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chất lượng, tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết của cơ quan mình.

4. Định kỳ ngày 20 hàng tháng, cơ quan chủ trì soạn thảo cập nhật thông tin điện tử về tình hình, tiến độ soạn thảo, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại phiên họp thường kỳ.

5. Cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với một số văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được xác định cụ thể tại Danh mục phân công.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN,
- Trợ lý TTg, các PTTg,
- TGD Công TTĐT, các Vụ;
- Lưu: VT, PL (2). XD. 52



**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH MỤC VÀ PHÂN CÔNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO  
VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH CÁC LUẬT ĐƯỢC QUỐC HỘI  
KHÓA XIV THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP THỨ 5**

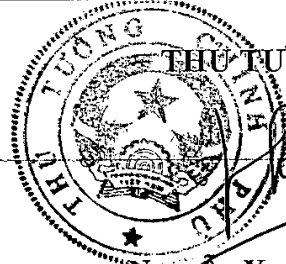
(Kèm theo Quyết định số 851 /QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018  
của Thủ tướng Chính phủ)

| TT | Tên luật,<br>ngày có<br>hiệu lực                                                                                    | Tên văn bản quy định chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cơ quan<br>chủ trì                       | Cơ quan<br>phối hợp                                                                                     | Thời hạn<br>trình hoặc<br>ban hành | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|
| 1  | Luật sửa đổi,<br>bổ sung một<br>số điều của<br>Luật Thể dục,<br>thể thao<br><br>(Có hiệu lực<br>ngày<br>01/01/2019) | 1. Nghị định quy định chi tiết<br>thi hành một số điều của Luật<br>sửa đổi, bổ sung một số điều<br>của Luật Thể dục, thể thao<br>( <i>khoản 1 Điều 50 (khoản 21<br/>Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung);<br/>khoản 1 Điều 55 Luật Thể<br/>dục, thể thao (khoản 24 Điều<br/>1 Luật sửa đổi, bổ sung)</i> )           | Bộ Văn<br>hóa, Thể<br>thao và Du<br>lịch |                                                                                                         | Tháng<br>10/2018                   |         |
|    |                                                                                                                     | 2. Nghị định quy định một số<br>chế độ, chính sách cho vận<br>động viên, huấn luyện viên thể<br>thao thành tích cao ( <i>điểm b, c,<br/>đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 32<br/>(khoản 12 Điều 1 Luật sửa<br/>đổi, bổ sung); điểm a, đ và e<br/>khoản 1 Điều 33 (khoản 13<br/>Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung)</i> ) | Bộ Văn<br>hóa, Thể<br>thao và Du<br>lịch | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ, các<br>bộ, cơ quan<br>ngang bộ và<br>các cơ quan có<br>liên quan | Tháng<br>7/2018                    |         |
|    |                                                                                                                     | 3. Nghị định quy định xử phạt<br>vi phạm hành chính trong lĩnh<br>vực thể thao ( <i>khoản 2 Điều 1<br/>của Luật sửa đổi, bổ sung</i> )                                                                                                                                                                        | Bộ Văn<br>hóa, Thể<br>thao và Du<br>lịch |                                                                                                         | Tháng<br>10/2018                   |         |
|    |                                                                                                                     | 4. Thông tư của Bộ trưởng Bộ<br>Văn hóa, Thể thao và Du lịch<br>quy định chi tiết các tiêu chí<br>đánh giá phong trào thể dục,<br>thể thao quần chúng ( <i>Điều 12</i> )                                                                                                                                      | Bộ Văn<br>hóa, Thể<br>thao và Du<br>lịch | Các bộ, cơ<br>quan ngang bộ<br>và các cơ quan<br>có liên quan                                           | Tháng<br>10/2018                   |         |

|    |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                     |                     |                                                                                                         |               |                                            |
|----|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------------------|
| 2. | Luật Quốc phòng (sửa đổi)<br>(Có hiệu lực ngày 01/01/2019) | 5. Nghị định về phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ (khoản 3 Điều 8; khoản 4 Điều 9)                                                                                                                                            | Bộ Quốc phòng       | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ, các<br>bộ, cơ quan<br>ngang bộ và<br>các cơ quan có<br>liên quan | Tháng 10/2018 | Cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn |
|    |                                                            | 6. Nghị định quy định về tổ chức xây dựng kế hoạch và biện pháp thực hiện động viên quốc phòng (khoản 3 Điều 11)                                                                                                                    | Bộ Quốc phòng       |                                                                                                         | Tháng 10/2018 | Cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn |
|    |                                                            | 7. Nghị định về phòng thủ dân sự (khoản 4 Điều 13)                                                                                                                                                                                  | Bộ Quốc phòng       |                                                                                                         | Tháng 10/2018 |                                            |
|    |                                                            | 8. Nghị định về công tác quốc phòng ở Bộ, ngành trung ương, địa phương (khoản 4 Điều 16)                                                                                                                                            | Bộ Quốc phòng       |                                                                                                         | Tháng 10/2018 |                                            |
|    |                                                            | 9. Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quốc phòng về tình trạng khẩn cấp, thiết quân luật, giới nghiêm (khoản 3 Điều 18; khoản 10 Điều 21; khoản 6 Điều 22)                                                   | Bộ Quốc phòng       |                                                                                                         | Tháng 10/2018 | Cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn |
|    |                                                            | 10. Nghị định về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng (khoản 3 Điều 15)                                                                                                                       | Bộ Quốc phòng       |                                                                                                         | Tháng 10/2018 |                                            |
|    |                                                            | 11. Nghị định thay thế Nghị định số 77/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng | Bộ Công an          |                                                                                                         | Tháng 10/2018 |                                            |
|    |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                     |                     |                                                                                                         |               |                                            |
| 3. | Luật Tố cáo (sửa đổi)<br>(Có hiệu lực ngày 01/01/2019)     | 12. Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tố cáo (khoản 5 Điều 33; khoản 5 Điều 38; khoản 4 Điều 40)                                                                                                               | Thanh tra Chính phủ | Bộ Tư pháp,<br>Văn phòng<br>Chính phủ, các<br>bộ, cơ quan<br>ngang bộ và<br>các cơ quan có<br>liên quan | Tháng 10/2018 |                                            |
|    |                                                            | 13. Nghị định quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong quân đội nhân dân (Điều 67)                                                                                                                                             | Bộ Quốc phòng       |                                                                                                         | Tháng 10/2018 |                                            |
|    |                                                            | 14. Nghị định quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong công an nhân dân (Điều 67)                                                                                                                                              | Bộ Công an          |                                                                                                         | Tháng 10/2018 |                                            |
| 4. | Luật Đo đạc và bản đồ                                      | 15. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ (khoản 3 Điều                                                                                                                                                 | Bộ Tài              | Bộ Tư pháp,                                                                                             | Tháng         |                                            |

|    |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                          |                             |                                                                                       |               |  |
|----|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--|
|    | (Có hiệu lực ngày 01/01/2019)                             | 12; khoản 3 Điều 16; khoản 8 Điều 36; khoản 5 Điều 38; khoản 7 Điều 41; khoản 6 Điều 44; khoản 1 Điều 51; khoản 8 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52; khoản 9 Điều 53; khoản 3 Điều 54; điểm a khoản 2 Điều 55)                                             | nguyên và Môi trường        | Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan có liên quan             | 9/2018        |  |
|    |                                                           | 16. Nghị định về hoạt động viễn thám                                                                                                                                                                                                                     |                             |                                                                                       | Tháng 9/2018  |  |
|    |                                                           | 17. Thông tư quy định kỹ thuật về xây dựng bộ bản đồ chuẩn biên giới quốc gia và thể hiện đường biên giới quốc gia, chủ quyền lãnh thổ trên các sản phẩm đo đạc và bản đồ, xuất bản phẩm bản đồ (điểm b khoản 3 Điều 18)                                 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan có liên quan                                  | Tháng 9/2018  |  |
|    |                                                           | 18. Thông tư quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ (khoản 6 Điều 34)                                                                                                                                          | Bộ Tài nguyên và Môi trường |                                                                                       | Tháng 10/2018 |  |
| 5. | Luật An ninh mạng<br>(Có hiệu lực ngày 01/01/2019)        | 19. Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục áp dụng một số biện pháp bảo vệ an ninh mạng (khoản 2 Điều 5)                                                                                                                         | Bộ Công an                  |                                                                                       | Tháng 10/2018 |  |
|    |                                                           | 20. Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều trong Luật An ninh mạng (khoản 4 Điều 10; khoản 5 Điều 12; khoản 1 Điều 23; khoản 7 Điều 24; khoản 4 Điều 26; khoản 5 Điều 36)                                                                 | Bộ Công an                  | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan có liên quan | Tháng 10/2018 |  |
|    |                                                           | 21. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia (khoản 3 Điều 10; khoản 3 Điều 43)                                                                                                            | Bộ Công an                  |                                                                                       | Tháng 10/2018 |  |
| 6. | Luật Cạnh tranh (sửa đổi)<br>(Có hiệu lực ngày 01/7/2019) | 22. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh (sửa đổi) (khoản 2 Điều 9; khoản 5 Điều 10; khoản 2 Điều 13; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 31; khoản 2 Điều 33; khoản 3 Điều 36; khoản 5 Điều 37; khoản 4 Điều 58) | Bộ Công Thương              | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan có liên quan | Tháng 01/2019 |  |

|  |                                                                                                                                                                     |                |  |               |  |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--|---------------|--|
|  | 23. Nghị định quy định chi tiết Luật Cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh ( <i>khoản 2 Điều 85; khoản 5 Điều 110; khoản 6 Điều 111</i> ) | Bộ Công Thương |  | Tháng 3/2019  |  |
|  | 24. Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ủy ban cạnh tranh Quốc gia ( <i>khoản 3 Điều 46</i> )                                              | Bộ Công Thương |  | Tháng 01/2019 |  |



THU TƯỚNG  
Nguyễn Xuân Phúc